

Bản án số:29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-4-2018

“Về việc Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga –Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị N, sinh năm 1995 (có mặt).

ĐKTT: ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

ĐKTT: ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh L.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an huyện B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Kiều Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013, quyền số 01/2013 vào ngày 30/5/2013.

Sau khi cưới vợ chồng chị thuê nhà trọ tại Thành phố H để buôn bán. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống, chị và anh H không có con chung.

Chị và anh H không có tài sản chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình sống chung chị và anh H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2018 bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an huyện B tỉnh L nên không có điều kiện chăm sóc chị Ngồi. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh và chị N không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Bản sao chứng minh nhân dân và 01 bản sao sổ hộ khẩu của chị N và anh H; 01 bản chính giấy đăng ký kết hôn; 01 bản tự khai ngày 11/4/2018 của anh H; 01 bản tự khai ngày 13/3/2018 của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1]Chị Kiều Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Ngày 11/4/2018, anh Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng: chị N và anh H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013, quyền số 01/2013 vào ngày 30/5/2013 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn về gia đình, anh H thiếu trách nhiệm với gia đình, không có sự tôn trọng lẫn nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và hiện nay, anh H đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an huyện B nên hôn nhân của chị N và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị N và anh H cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên anh chị đều đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3.2] Về nuôi con chung: xác định chị N và anh H không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh H thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Kiều Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

2. Về nuôi con chung: xác định chị N và anh H không có con chung.

3. Về án phí: Chị Kiều Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006259 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Kiều Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- UBND xã N;
- THA huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thành Đồng